

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Chanh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CP XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Chanh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Chanh

Mã SV: 1312401139

Lớp: QT1703K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành.
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Sử dụng số liệu năm 2015 phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 5 tháng 4 năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 25 tháng 6 năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Vũ Thị Chanh

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

-Sinh viên Vũ Thị Chanh, lớp QT1703K trong quá trình làm khóa luận thực hiện tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết.

-Đồng thời, sinh viên Chanh rất chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu các nội dung về mặt lý thuyết cũng như thực tế các vấn đề liên quan đến đề tài của khóa luận. Ngoài ra sinh viên Chanh còn thể hiện quá trình nghiên cứu nghiêm túc thể hiện ở nội dung bài viết khá sâu và số liệu khá phong phú.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương 1: Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu doanh nghiệp

-Chương 2: Mô tả khá chi tiết kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành. Số liệu được khảo sát năm 2016 khá phong phú và logic.

- Chương 3: Đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng. Trên cơ sở đó đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành. Các kiến nghị được đánh giá có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I:NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (THEO QĐ 48).....	2
1.1 Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	2
1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2: Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu	2
1.1.2.2: Đặc điểm	3
1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	3
1.1.4: Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu	4
1.1.4.1: Phân loại.....	4
1.1.4.2: Đánh giá nguyên vật liệu	5
1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	10
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	10
1.2.1.1: Phương pháp thẻ song song	11
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	12
1.2.1.3: Phương pháp sổ số dư	13
1.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	15
1.2.2.1: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	15
1.2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ .	19
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	22
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	24
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	24
1.4.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.....	24
1.4.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	24
CHƯƠNG II:THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH	26
2.1: Khái quát chung về công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành	26

2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển	26
2.1.2: Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động	27
2.1.3: Mô hình tổ chức bộ máy của công ty	27
2.1.4: Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành.....	28
2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán.....	28
2.1.4.2: Hình thức kế toán, chế độ, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	29
2.1.4.3: Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản tại công ty.....	29
2.1.4.4: Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán.....	29
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.....	31
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành	31
2.2.1. Đặc điểm , phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại công ty.....	31
2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu	31
2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty.....	31
2.2.1.3: Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty	46
2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành	55
2.2.2.1: Chứng từ kế toán sử dụng	55
2.2.2.2: Tài khoản kế toán sử dụng	55
2.2.2.3: Quy trình hoạch toán.....	55
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH.....	61
3.1: Nhận xét chung về kế toán nguyên vật liệu	61
3.1.1: Ưu điểm.....	61
3.1.2: Hạn chế.....	63
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành	64
3.2.1. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư	65
3.2.2: Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.	68
3.2.3: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	71
3.2.4: Hoàn thiện công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại công ty	71
KẾT LUẬN	74

LỜI MỞ ĐẦU

Quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp bao gồm các khâu chính là mua hàng hóa, vật tư, sản xuất sản phẩm và khâu cuối cùng là khâu tiêu thụ hàng hóa sản phẩm. Bất kỳ một khâu nào của quá trình sản xuất đều có tầm quan trọng riêng của nó ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Và Thương Mại Phú Thành chi phí chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán nói chung đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Nguyên vật liệu tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với tư cách là đối tượng lao động. Đây là một trong ba yếu tố cơ bản nhất của quá trình sản xuất kinh doanh đặc biệt là đối với công ty sản xuất sản phẩm. Sự ổn định về yếu tố đầu vào là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục trong thời buổi kinh tế thị trường.

Là một sinh viên thực tập với những kiến thức đã được trang bị trong những năm học ở trường và kết quả tìm hiểu thực tế trong thời gian thực tập ở công ty em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Và Thương Mại Phú Thành

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Và Thương Mại Phú Thành.

Trong quá trình tìm hiểu và viết bài còn nhiều thiếu sót em mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện bài viết của mình hơn. Em xin chân thành cảm ơn Trần Thị Thanh Thảo đã hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên Công ty CP xây lắp và thương mại Phú Thành đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (THEO QĐ 48)

1.1 Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là bộ phận cơ bản cấu thành thực tế sản phẩm. Trong quá trình sản xuất, vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, bị tiêu hao và chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá thành sản phẩm.

Chi phí về các loại nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Do vậy, tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu đảm bảo cho việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất quan trọng. Vì vậy, có thể khẳng định rằng nguyên vật liệu có một vị trí quan trọng không thể thiếu được trong quá trình sản xuất.

Kế toán là công cụ phục vụ cho quản lý nguyên vật liệu. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi,...

Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hoạch toán nguyên vật liệu có đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập, xuất, dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hoạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm. Vì vậy cần thiết phải tổ chức công tác hoạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp và có làm tốt điều này mới tạo được tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2: Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu

1.1.2.1: Khái niệm

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khác với tư liệu lao động nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định, giá trị của nó chuyển hết vào giá trị sản phẩm mới làm ra.

Chi phí về nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm. Nguyên vật liệu có chất lượng cao, đúng quy cách, chủng loại thì sản phẩm sản xuất ra mới đạt yêu cầu, nguyên vật liệu mua về mới tận dụng được tối đa vì vậy chi phí nguyên vật liệu được hạ thấp, giá thành hạ làm cho doanh nghiệp có thể đạt được lợi nhuận cao, tồn tại được trong cơ chế thị trường.

Nguyên vật liệu là một bộ phận cơ bản của hàng tồn kho là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

1.1.2.2: Đặc điểm

Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu có những đặc điểm sau:

+ Về mặt hiện vật vật: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một quá trình sản xuất kinh doanh nhất định. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh dưới tác động của lao động và tư liệu lao động nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi về hình thái vật chất ban đầu để tạo thành thực thể của sản phẩm.

+ Về mặt giá trị: Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Như vậy, nguyên vật liệu chiếm vị trí hết sức quan trọng bởi nó là đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể sản phẩm.

1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Xuất phát từ vị trí yêu cầu quản lý vật liệu cũng như vai trò của kế toán. Để đáp ứng nhu cầu quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp phải thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

+ Theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ, trung thực số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho hay tồn kho. Tính toán đúng đắn giá trị vốn hoặc giá thành thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, hoặc xuất kho để cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

+ Tổ chức chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng tại doanh nghiệp để ghi chép, phân loại, tổng hợp số liệu đầy đủ kịp thời và tình hình tăng giảm của vật tư trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí

sản xuất kinh doanh, xác định giá vốn hàn bán. Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp.

+ Kiểm tra tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về mua vật tư, hàng hóa phục vụ cho sản xuất.

+ Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu. Từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất, giúp cho việc hoạch toán xác định chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu thực tế đưa vào sản xuất. Phân bổ chính xác nguyên vật liệu đã tiêu hao vào đối tượng sử dụng để từ đó giúp cho việc tính giá thành được chính xác.

1.1.4: Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.1.4.1: Phân loại

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp có nhiều loại khác nhau, mỗi loại lại có quy cách, tính chất, phẩm chất, vai trò công dụng khác nhau và được bảo quản với các điều kiện khác nhau. Chính vì vậy muốn quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hoạch toán chi tiết từng loại, từng thứ nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành phân loại chúng. Việc phân loại vật liệu tùy vào loại hình doanh nghiệp sản xuất cụ thể thuộc từng ngành sản xuất, tùy thuộc vào chức năng kinh tế, chức năng của vật liệu mà chúng được chia thành các loại sau:

** Phân loại theo nội dung kinh tế và công dụng:*

- Vật liệu chính: đối với doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu chính là những nguyên liệu, vật liệu cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm. Ví dụ đối với doanh nghiệp dệt thì nguyên vật liệu chính là các loại dệt khác nhau. Đối với doanh nghiệp sản xuất kẹo thì bột, đường là nguyên vật liệu chính... Vì vậy, khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ không đặt ra khái niệm nguyên vật liệu chính, phụ. Nguyên vật liệu chính cũng bao gồm cả bán thành phẩm mua vào với mục đích tiếp tục sản xuất chế tạo ra sản phẩm, hàng hóa. Ví dụ: các doanh nghiệp có thể mua các loại vải thô khác nhau để nhuộm, in nhằm cho ra đời các loại vải khác nhau đáp ứng nhu cầu sử dụng.

- Vật liệu phụ: Là những vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm mà có thể kết hợp với

nguyên vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng, làm tăng thêm chất lượng hoặc giá trị sử dụng của sản phẩm.

- Nhiên liệu: Là một loại nguyên vật liệu phụ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng như xăng, dầu,... Ở thể rắn như các loại than đá, than bùn. Ở thể khí như ga.

- Phụ tùng thay thế: Là những vật tư, sản phẩm dùng thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị, tài sản cố định, phương tiện vận tải.

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu, thiết bị xây dựng cơ bản như gạch, cát đá, xi măng

- Vật liệu khác: Là loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất, thanh lý tài sản, có thể sử dụng bán ngoài hoặc đưa vào sản xuất khác nhau như phối thép, vải vụn,...

** Phân loại theo nguồn hình thành thì NVL được chia thành:*

- Vật liệu nhập do mua ngoài.
- Vật liệu nhập do tự gia công, chế biến.
- Nhận vốn kinh doanh.
- Nguyên vật liệu tự chế.

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

** Căn cứ vào mục đích sử dụng thì NVL được chia thành:*

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh
- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.
- Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

1.1.4.2: Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu thị giá trị của vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất. Về nguyên tắc nguyên vật liệu nằm trong giá thành sản phẩm đồng thời nó còn thuộc tài sản lưu động nằm trong bảng cân đối kế toán. Vì vậy phải đánh giá NVL chính xác để đảm bảo tính chính xác của giá thành và thông tin trên bảng cân đối kế toán, NVL được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo theo một nguyên tắc cơ bản đánh giá theo giá trị vốn thực tế. Nghĩa là khi nhập kho phải

tính theo giá trị vật liệu thực tế nhập. Khi xuất kho cũng phải xác định giá trị thực tế xuất kho theo phương pháp quy định

Nguyên tắc để đánh giá nguyên vật liệu

- *Nguyên tắc giá gốc* (còn gọi là giá phí, giá thành). Tất cả các tài sản và hàng tồn kho ở doanh nghiệp được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo tài chính được ghi chép theo giá gốc. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí bình thường và hợp lý mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

- *Nguyên tắc nhất quán*: Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải sử dụng phương pháp kế toán thống nhất trong suốt niên độ kế toán.

- *Nguyên tắc thận trọng*: Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải phản ánh đúng giá trị tài sản, các nghiệp vụ làm tăng doanh thu, tăng vốn chỉ được ghi khi có chứng cứ chắc chắn (có chứng từ), chi phí và các khoản làm giảm doanh thu, vốn chủ sở hữu phải được ghi chép ngay dù chưa có chứng từ chắc chắn. Dù trên bảng cân đối kế toán, hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được của nguyên vật liệu giảm do vật liệu bị hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất ... thì đơn vị phải lập giảm giá hàng tồn kho.

❖ **Tính giá thực tế nguyên vật liệu**

*** Tính giá trị nguyên vật liệu nhập kho**

Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo nguồn nhập

- Đối với nguyên vật liệu nhập kho mua ngoài

Giá trị thực tế NVL mua ngoài nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Các khoản thuế không hoàn lại	+	Chi phí liên quan trực tiếp (nếu có)	-	Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá
---	----------	---------------------------------	----------	--------------------------------------	----------	---	----------	---

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn:

+ Trường hợp giá thực tế NVL mua vào để sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

+ Trường hợp NVL mua vào sử dụng cho các đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, các dự án thì giá mua là giá bao gồm cả thuế (tổng giá thanh toán).

- Các loại thuế không hoàn lại như: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt,...

- Chi phí liên quan trực tiếp gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ,...đôi với chi phí vận chuyển thì chi phí vận chuyển được cộng vào giá trị thực tế của NVL.

- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

- Đối với nguyên vật liệu tự gia công, chế biến

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá NVL} \\ \text{xuất gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí,} \\ \text{gia công} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế nguyên} \\ \text{vật liệu xuất mua} \\ \text{ngoài, gia công, chế} \\ \text{biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vận} \\ \text{chuyển} \\ \text{bốc dỡ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thuê} \\ \text{ngoài, gia} \\ \text{công chế} \\ \text{biến} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu được cấp

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực} \\ \text{tế NVL} \\ \text{được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo} \\ \text{biên bản,} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc xếp,} \\ \text{bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh cổ phần

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thỏa thuận do} \\ \text{các bên xác định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí tiếp} \\ \text{nhận (nếu có)} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu do được tặng thưởng, biếu tặng, tài trợ

$$\begin{array}{l} \text{Giá gốc NVL} \\ \text{nhận biếu tặng} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị hợp lý ban} \\ \text{đầu của những} \\ \text{NVL tương đương} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \\ \text{liên quan đến} \\ \text{việc tiếp nhận} \end{array}$$

*** Tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho**

Nguyên vật liệu nhập kho trong doanh nghiệp từ rất nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau. Do đó khi xuất kho nguyên vật liệu thuộc vào đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý cũng như thiết bị tính toán ở từng doanh nghiệp mà chọn một trong những phương pháp sau để xuất kho nguyên vật liệu phù hợp. Phương pháp đó phải sử dụng thống nhất từ kỳ này sang kỳ khác nhờ đó có thể kiểm tra, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh. Theo quyết định số 48 doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp tính giá vật tư, hàng hóa xuất kho như sau:

Phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp giá thực tế đích danh

Nội dung ưu nhược điểm của các phương pháp cụ thể như sau:

- Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá của lô đó để tính ra giá vốn thực tế của vật tư xuất kho (tức là giá trị xuất kho của vật tư đó). Đây là phương pháp lý tưởng nhất cho phép xác định được độ chính xác cao.

Ưu điểm của phương pháp này xác định được độ chính xác cao khi xác định giá vật tư xuất kho, tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán là chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị xuất dùng cho vật tư sản xuất phù hợp với giá trị thành phẩm nó tạo ra, giá trị tồn kho của vật tư phản ánh theo đúng giá trị của nó. Nhược điểm là đòi hỏi công tác quản lý phải chặt chẽ, thường xuyên, luôn theo dõi tình hình biến động của vật tư và đặc biệt phải nhận diện từng lô mới đảm bảo xác định được đúng chủng loại, giá cả.

Phương pháp này chỉ phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, ít chủng loại, hàng có giá trị cao như các mặt hàng trang sức đắt tiền.

- Phương pháp bình quân gia quyền

+ Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả hàng hóa vật tư khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

$$\begin{array}{l}
 \text{Giá trị thực tế của} \\
 \text{vật liệu xuất kho}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng thực} \\
 \text{tế xuất kho}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Đơn giá thực} \\
 \text{tế xuất kho}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{l}
 \text{Đơn giá} \\
 \text{bình} \\
 \text{quân}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị thực tế vật} \\
 \text{liệu tồn đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị thực tế vật liệu} \\
 \text{nhập trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng vật liệu} \\
 \text{tồn đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng vật liệu tồn} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 }$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng thứ vật tư

Ưu điểm là đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hoạch toán chi tiết nguyên vật liệu, phụ thuộc vào số nhập xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu. Nhược điểm là dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào cuối kỳ kế toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu khác.

+ ***Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)***

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và số lượng vật liệu xuất để tính trị giá vật liệu xuất.

$$\begin{array}{l}
 \text{Đơn giá} \\
 \text{bình quân} \\
 \text{sau lần nhập} \\
 \text{thứ n}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá NVL tồn} \\
 \text{trước lần nhập n}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá NVL} \\
 \text{nhập lần n}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng NVL tồn} \\
 \text{trước lần nhập n}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng NVL} \\
 \text{nhập lần n}
 \end{array}
 }$$

Phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập của mỗi loại không nhiều. Phương pháp này có ưu điểm là cho giá nguyên vật liệu xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả, công việc tính giá được tính toán đều đặn. Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm là công việc tính toán tương đối nhiều và phức tạp.

- Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

Phương pháp này được thực hiện như sau: Lô nguyên vật liệu nào nhập kho trước sẽ được dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ trước là hàng mới nhất. Do vậy, giá thành xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, xong mới đến lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

Phương pháp có ưu điểm là cho phép kế toán có thể tính toán giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời. Phương pháp này cho ước tính hợp lý về giá nguyên vật liệu cuối kỳ. Nhưng các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành.

- Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO)

Phương pháp nhập sau – xuất trước áp dụng dựa vào giả định là nguyên vật liệu được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất trước đó.

Theo phương pháp này thì giá trị nguyên vật liệu xuất kho được tính bằng giá trị của lô nguyên vật liệu nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho được tính theo giá trị của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này cũng được áp dụng đối với doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

Phương pháp này có ưu điểm là đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Làm cho thu nhập và chi phí của doanh nghiệp có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu thế giảm, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế. Nhưng bên cạnh đó phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong kỳ lạm phát và giá trị nguyên vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng thiết bị nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất

kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản lý từng danh điểm vật tư. Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu sau: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ sổ dư.

1.2.1.1: Phương pháp thẻ song song

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập, xuất kho để ghi vào các thẻ kho, cuối ngày tính số tồn kho được ghi trên thẻ kho và gửi phiếu nhập, xuất kho cho kế toán. Thẻ kho được sử dụng để theo dõi, ghi chép số hiện có và tình hình biến động của từng vật liệu theo từng kho về số lượng.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu cả về hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho chuyển lên, kế toán kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết hàng hóa vật tư theo từng loại mặt hàng về số lượng, giá trị tiền.

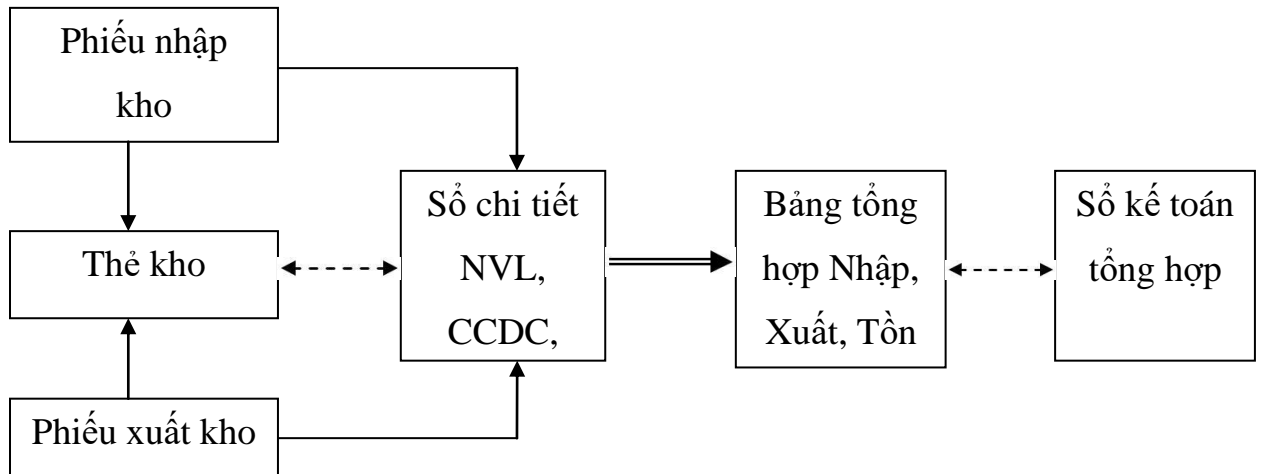
Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho của từng vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

+ Ưu điểm: Việc ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu số lượng

+ Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Hơn nữa, việc kiểm tra đối chiếu tiến hành vào cuối tháng làm hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp ít chủng loại vật liệu, số lượng các nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên và trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

Sơ đồ 1.1: Quy trình hoạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu và kiểm tra: \longleftrightarrow

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tương tự như phương pháp thẻ song song.

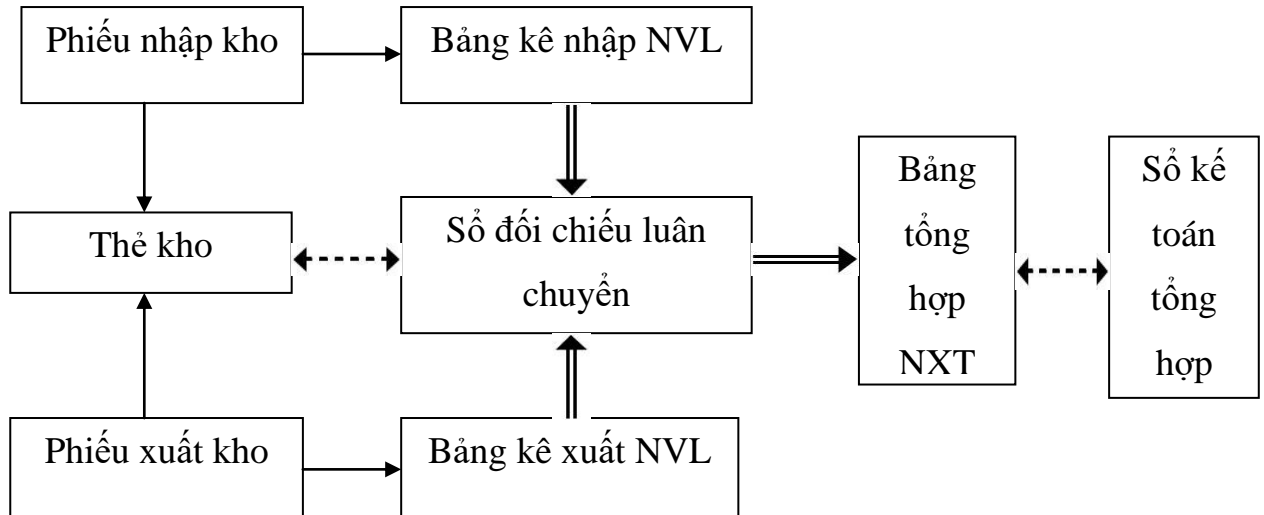
- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho. Cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập – xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm và theo từng kho, kế toán lập Bảng kê nhập vật liệu, Bảng kê xuất vật liệu và dựa vào bảng kê này để ghi vào Sổ đối chiếu luân chuyển. Khi nhận được Thẻ kho, kế toán tiến hành đối chiếu tổng lượng nhập – xuất của từng thẻ kho với Sổ đối chiếu luân chuyển. Đồng thời từ Sổ đối chiếu luân chuyển lập Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu để đối chiếu với số liệu trong Sổ kế toán tổng hợp.

+ Ưu điểm: Phương pháp này dễ làm, do chỉ ghi một lần vào cuối tháng nên giảm bớt được khối lượng công việc ghi chép cho kế toán.

+ Nhược điểm: Việc ghi chép còn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa thủ kho và phòng kế toán cũng tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra.

+Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập xuất không nhiều, không bố trí riêng nhân viên kế toán chi tiết vật liệu nên không có điều kiện ghi chép theo dõi hàng ngày.

Sơ đồ 1.2: Quy trình hoạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: —————→

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: ═══════→

Ghi quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←-----→

1.2.1.3: Phương pháp sổ số dư

- *Tại kho:* Thủ kho vẫn sử dụng Thẻ kho để ghi chép tình hình nhập xuất tồn. Cuối tháng, thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên Thẻ kho vào Sổ số dư.

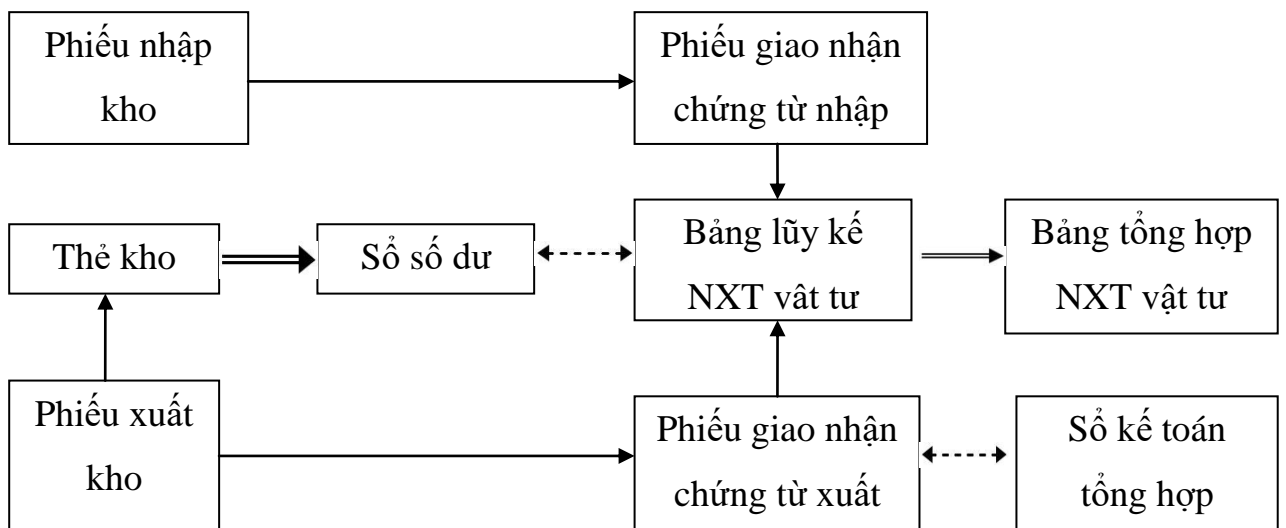
- *Tại phòng kế toán:* Định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến (kèm theo Phiếu giao nhận chứng từ). Căn cứ vào đó, kế toán lập Bảng lũy kế nhập xuất tồn. Từ Bảng lũy kế nhập xuất tồn, kế toán lập Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

+ Ưu điểm: Hiệu suất công tác cao, tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, việc kiểm tra ghi chép của thủ kho được tiến hành thường xuyên, đảm bảo số liệu kế toán được chính xác và kịp thời.

+ Nhược điểm: Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị nên muốn biết số hiện có và tình và tình hình tăng giảm của từng vật liệu về mặt số lượng, nhiều khi phải xem số lượng trên thẻ kho. Hơn nữa việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa thủ kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng các nghiệp vụ nhập – xuất nhiều, thường xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập xuất, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán là tương đối cao.

Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép về sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên kế toán áp dụng tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp kế toán kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm định định kỳ

Việc sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào doanh nghiệp và yêu cầu của công việc quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

1.2.2.1: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng giảm về nguyên vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, kế toán nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất, xây lắp... và các đơn vị thường xuyên kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, ...

+ Ưu điểm: Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

+ Nhược điểm: Phương pháp này tốn nhiều công tính toán.

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
-

*** Tài khoản sử dụng**

+ Để ghi chép vật tư theo phương pháp kê khai thường, kế toán sử dụng Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”, Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”, Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

✓ *Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”*

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ nguồn khác.

- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có:

- Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, xuất bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.

- Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá, chiết khấu thương mại hoặc trả lại người bán.

- Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

Số dư bên Nợ:

- Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho.

✓ *Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận *thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.*

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa đang đi trên đường.

Bên Có:

- Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã nhập kho hoặc đã giao thẳng cho khách hàng.

Số dư bên Nợ:

- Phản ánh trị giá hàng hóa vật tư đã mua nhưng còn đi trên đường.

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515....

✓ *Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất dở dang”*

Tài khoản dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm.

Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

- Các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất và chi phí thực hiện dịch vụ.

Bên Có:

- Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao từng phần, hoặc toàn bộ tiêu thụ trong kỳ; hoặc giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành chờ tiêu thụ.

- Trị giá phế liệu thu hồi, trị giá nguyên vật liệu, hàng hóa gia công xong nhập lại kho;

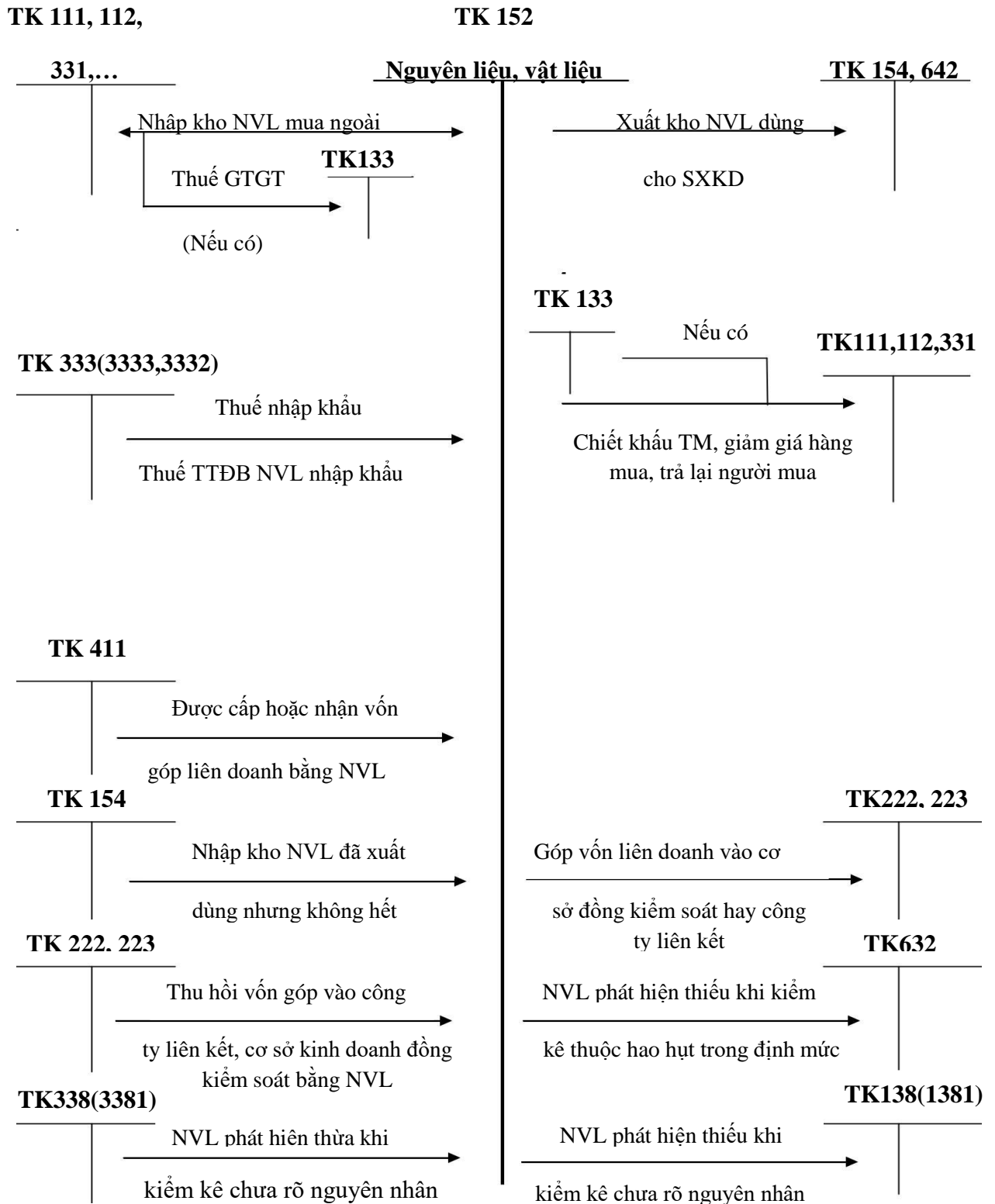
Số dư bên Nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh còn dở dang đầu hoặc cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hoạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá NVL} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} \\ \text{xuất kho} & = & \text{NVL tồn} & + & \text{NVL nhập} & - & \text{NVL tồn} \\ & & \text{kho} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hóa nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán tồn kho mà được theo dõi trên tài khoản 611 “Mua hàng”

Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, tài khoản kế toán phản ánh nguyên vật liệu chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
-

* Tài khoản sử dụng

Để ghi chép vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng Tài khoản 611 “Mua hàng”, Tài khoản 152 “ Nguyên vật liệu”, Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”

✓ *Tài khoản 611 “Mua hàng”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất trong kỳ.

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại,...

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê);

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa được xác định là đã bán trong kỳ);

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6111 – “Mua nguyên vật liệu” + Tài khoản 6112 – “Mua hàng hóa”

✓ *Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết cho từng loại.

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ

Bên Có:

- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu hoặc cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường đầu kỳ.

Số dư bên Nợ:

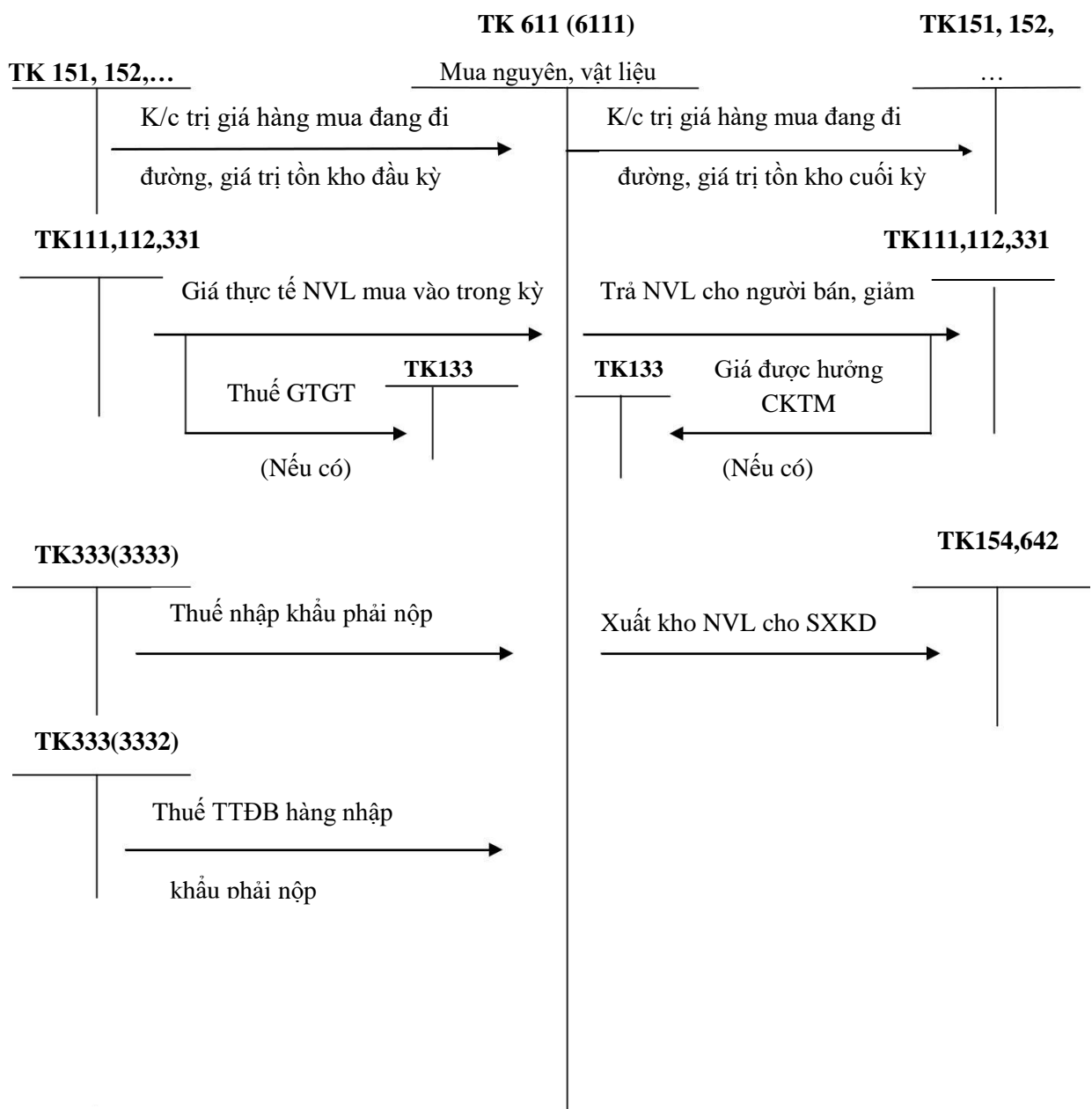
- Trị giá thực tế hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số TK khác liên quan như: 133, 331, 111, 112.....

*** Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho không được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu thập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc, nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

- Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực hiện} \\ \text{thuần túy của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá gốc của} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Dự phòng giảm} \\ \text{giá hàng tồn} \\ \text{kho} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư hàng hóa này là

mặt hàng kinh doanh thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn và vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

* **Tài khoản sử dụng:** *Tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”*

Bên Nợ:

+ Hoàn nhập số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn kỳ này phải lập nhỏ hơn số đã lập kỳ trước

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

+ Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

+ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Số cần trích lập lần đầu và số chênh lệch giữa số dự phòng kỳ này phải lập lớn hơn số đã lập cuối kỳ trước).

+ Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

Số dư bên Có:

+ Số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

+ Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có đầu hoặc cuối kỳ

+ Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

Tài khoản 159 “ Các khoản dự phòng” có 3 tài khoản cấp 3 sau:

TK 1591 “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

TK 1592 “Dự phòng các khoản phải thu khó đòi”

TK 1593 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

* **Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh**

- *Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:*

Nợ TK632 : Giá vốn hàng bán

Có TK1593 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn ghi:

Nợ TK632 : Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.4.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

* Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt

* Sổ cái

* Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

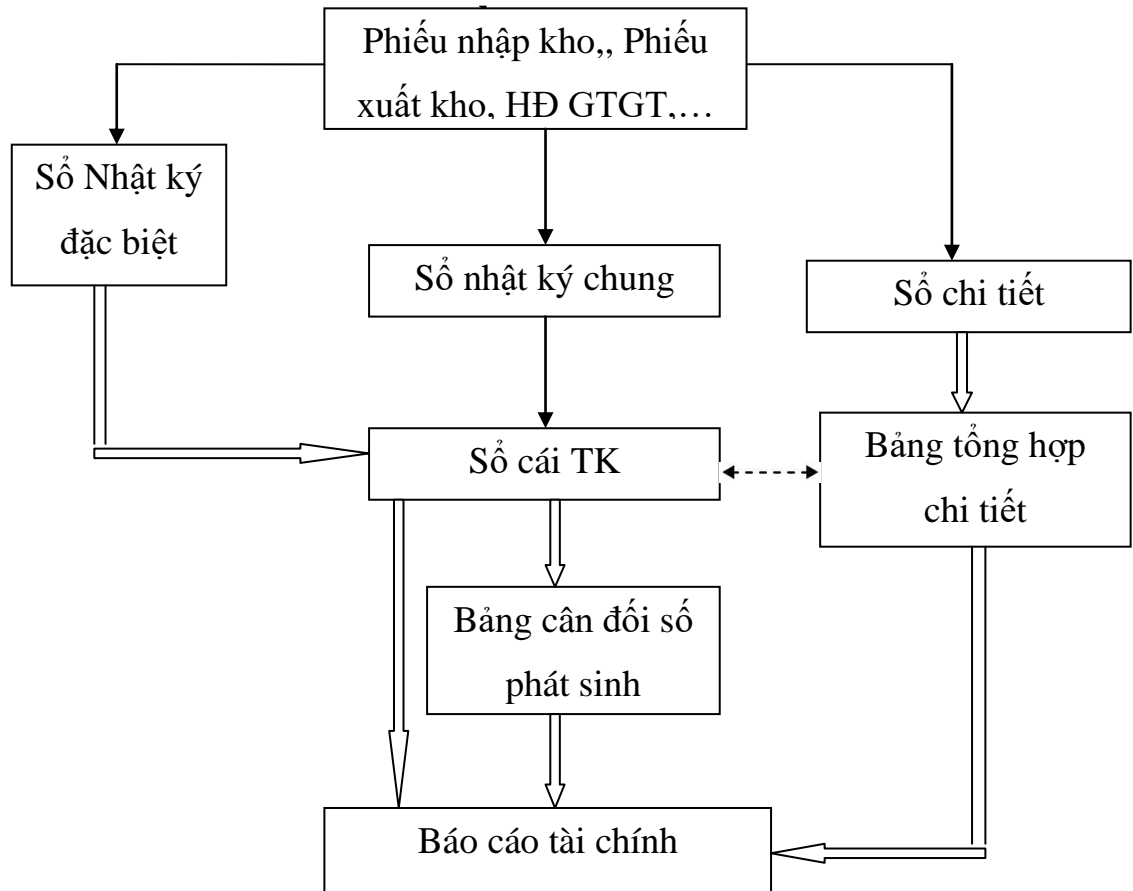
1.4.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ

Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH

2.1: Khái quát chung về công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển

Tên công ty: Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Tên bằng tiếng Việt: công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Tên viết tắt: XLPT

Ngày thành lập: tháng 3 năm 2011 theo giấy phép của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ trụ sở chính tại thôn 3- xã Tân Dương- huyện Thủy Nguyên,- thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế 0201158653

Vốn điều lệ 1.800.000.000

Công ty ra đời trong sự phát triển của nền kinh tế, xuất phát từ nhu cầu của xã hội. Công ty được thành lập từ năm 2011 đến nay đã không ngừng đổi mới để phù hợp với sự phát triển của xã hội, đòi hỏi tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty phải luôn cố gắng, nỗ lực hết mình.

Công ty luôn coi sự ổn định chất lượng sản phẩm là thước đo cho kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Mỗi sản phẩm của Phú Thành đều được quản lý hết sức chặt chẽ về chất lượng qua nhiều công đoạn khác nhau, ở mỗi khâu, mỗi bộ phận đều có bộ phận giám sát, kiểm tra chất lượng.

Không chỉ tăng trưởng mạnh mẽ trong bối cảnh nền kinh tế cạnh tranh. Trong thời gian đó, công ty Phú Thành đã tích lũy được một khối lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất với giá hấp dẫn. Công ty đã tận dụng thời điểm này để đa dạng hóa sản phẩm, mạnh dạn đưa ra thị trường những mẫu sản phẩm mới.

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty: sản xuất - hoán cải container thành các công trình nhà ở, văn phòng, kho, các công trình phục vụ kinh doanh như nhà nghỉ, homestay, quán ăn, quán cafe..., mua bán- cho thuê container, dịch vụ sửa chữa- bảo trì container.

2.1.2: Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- Thuận lợi:

+ Đội ngũ nhân viên có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.

+ Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty.

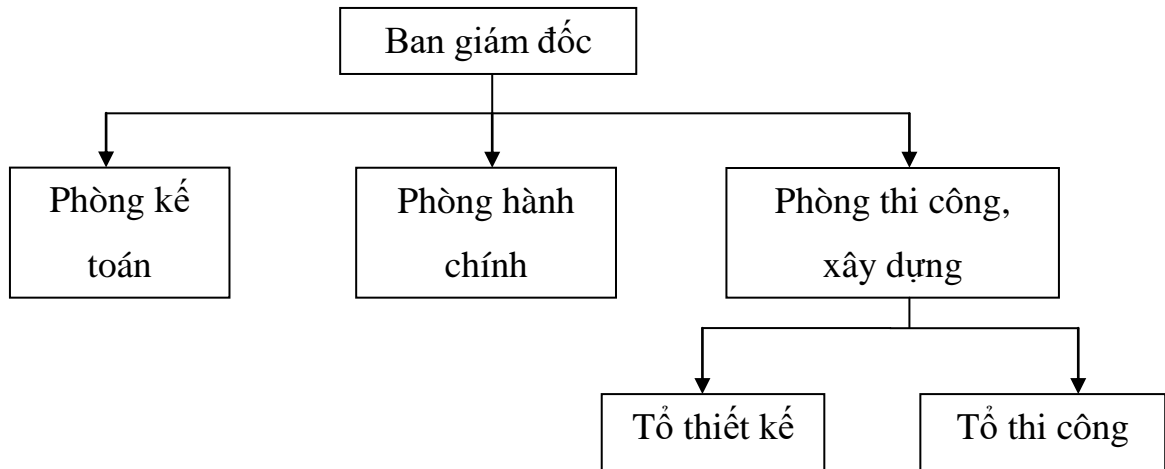
+ Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.

- Khó khăn: thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì càng ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

2.1.3: Mô hình tổ chức bộ máy của công ty

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Phú Thành



Chức năng phòng của từng phòng ban

- Ban giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất, đại diện hợp pháp của công ty trước cơ quan nhà nước và pháp luật; lập ra các định hướng phát triển cho công ty, giám sát và điều hành các hoạt động của công ty.

- Phòng kế toán: thực hiện và giám sát các công việc về tài chính trong công ty.

- Phòng hành chính: Quản lý các thiết bị trang bị cho hoạt động của khối văn phòng, quản lý các hồ sơ, chứng từ, công văn, các loại hợp đồng...liên quan, hỗ trợ phòng kế toán các công việc liên quan, thực hiện tuyển dụng nhân sự cho công ty theo yêu cầu, phối hợp với các phòng ban, cơ quan chức năng

của nhà nước để tổ chức các khóa huấn luyện , đào tạo theo yêu cầu và hướng dẫn, thực thi, theo dõi các chính sách, chế độ, nội qui, qui chế của công ty đối người lao động tại công ty.

- Phòng thi công xây dựng: Nhận kế hoạch sản xuất của Công ty từ Giám đốc, triển khai thực hiện thi công công trình theo đúng thiết kế và đúng tiến độ thi công.

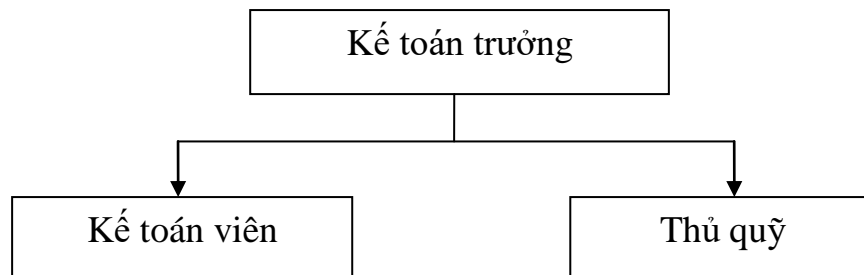
+ Tổ thiết kế: tư vấn, thiết kế các công trình theo yêu cầu của khách hàng, đáp ứng được các tiện ích và đầy đủ các chức năng theo đúng mục đích sử dụng của khách hàng.

+ Tổ thi công: dựa theo các thiết kế đã có để hoàn thành sản phẩm.

2.1.4: Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành



Nhiệm vụ từng bộ phận trong bộ máy kế toán:

* *Kế toán trưởng*: Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp.

Có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán trong công ty, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành. Trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình lên ban giám đốc. Đồng thời phải ký duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình kinh doanh.

* *Kế toán viên*: ghi chép, hệ thống hóa, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị.

* *Thủ quỹ*: chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê, kiểm tra sổ tồn quỹ, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

2.1.4.2: Hình thức kế toán, chế độ, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01/N kết thúc ngày 31/12/N hàng năm trùng năm dương lịch
- Phương pháp hoạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao đường thẳng
- Báo cáo tài chính của công ty: được lập hàng năm
- Đơn vị tính: Việt Nam Đồng (VNĐ)

2.1.4.3: Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản tại công ty

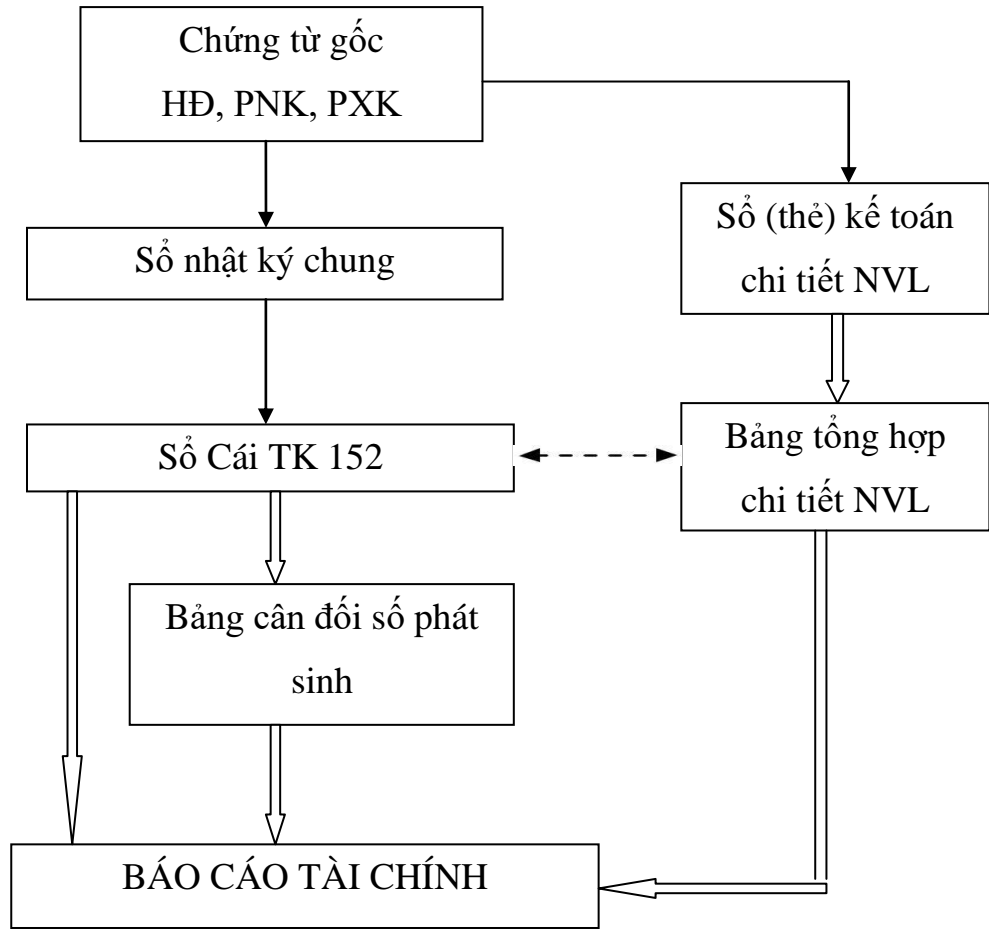
Hệ thống chứng từ và tài khoản của công ty áp dụng theo chế độ kế toán theo quyết định 48 ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Về chế độ tài khoản kế toán: căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán theo những quy định, kết hợp với yêu cầu, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý, hệ thống tài khoản của công ty Cổ Phần Xây Lấp Và Thương Mại Phú Thành sử dụng các tài khoản kế toán áp dụng theo quyết định số 48 ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính. Đồng thời tài khoản cấp 1 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2, cấp 3 cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu.

2.1.4.4: Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác, kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp gồm có: Nhật ký chung; Sổ cái; Các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan,....

Sơ đồ 2.3: Quy trình hoạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dùng đó làm căn cứ ghi sổ: trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung; đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào các sổ chi tiết tài khoản; sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết với số liệu trên sổ cái để kiểm tra sự chính xác của số liệu, sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng với số liệu đã ghi, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính

Hệ thống Báo cáo tài chính cả công ty áp dụng theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

2.2.1. Đặc điểm , phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu

Để tiến hành sản xuất – hoán cải nhiều loại container khác nhau đáp ứng nhu cầu thị trường công ty phải sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu rất lớn bao gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, mỗi loại vật liệu có vai trò, tính năng lý hóa riêng. Muốn quản lý tốt và hạch toán chính xác vật liệu thì phải tiến hành phân loại vật liệu một cách khoa học, hợp lý. Tuy nhiên tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành các loại vật liệu mới chỉ được mã hóa theo tên gọi như: vỏ container, dây điện, thanh sắt, gỗ ốp,... Hiện nay công ty vẫn chưa xây dựng sổ danh điểm vật tư và việc đặt mã số để quản lý vật tư chưa theo một tiêu thức nào nên công tác hạch toán chi tiết vật tư chưa được khoa học.

2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty

➤ Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được chi phí đầu vào của công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành. Chứng từ sử dụng cho nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.
- Các chứng từ thanh toán khác

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ.

• **Giá nguyên vật liệu nhập kho**

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo giá trị thực tế. Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất tại công ty hầu hết là các nguyên vật liệu mua ngoài.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{CKTM,} \\ \text{tế NVL} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & - & \text{Giảm giá} \\ \text{nhập kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{thực tế} & & \text{hàng mua} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá ghi trên hóa đơn là của người bán: là giá chưa có thuế GTGT.

- Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ... được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Ví dụ 1: Ngày 06/12/2016, công ty nhập 10 vỏ container 40 feet của công ty TNHH Bắc Kỳ. Đơn giá chưa thuế GTGT của vỏ container là 9.500.000 đồng/cái. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Khi hàng về, thủ kho nhập kho theo số lượng thực tế. Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000372 ngày 06/12/2016 (biểu số 2.2), lập phiếu nhập kho số 21/12 (biểu số 2.3). Giá trị thực tế của NVL được tính như sau:

$$\text{Giá trị thực tế của vỏ container 40 feet nhập kho} = 10 \times 9.500.000 = 95.000.000 \text{ (đồng)}$$

Ví dụ 2: Ngày 08/12/2016, công ty nhập 35 thùng sơn nước xanh của công ty TNHH Vũ Linh. Đơn giá chưa thuế GTGT của sơn nước xanh là 450.000 đồng/thùng. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Khi hàng về, thủ kho nhập kho theo số liệu thực tế. Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000426 ngày 08/12/2016 (biểu số 2.4), lập phiếu nhập kho 38/12 (biểu số 2.5). Giá thực tế NVL nhập kho được tính như sau:

Giá trị thực tế của nhập kho sơn nước xanh = 35 x 450.000 = 15.750.000 (đồng)

Biểu số 2.1: Giấy đề nghị mua vật tư

Công ty Cổ Phần Xây Lấp Và
Thương Mại Phú Thành

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Bộ phận kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất – hoán cải đơn đặt hàng của công ty Thành Hưng
ngày 26/11/2016

Kính đề nghị Ban Giám Đốc duyệt cho nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
01	Vỏ container 40 feet	cái	10

Hải Phòng, ngày 05/12/2016

Giám Đốc

Bộ phận kỹ thuật

Bộ phận sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT mua sơn nước xanh

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/11P

Liên 2: Giao người mua

Số: **0000372**

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Bắc Kỳ

Mã số thuế: 0206532114

Địa chỉ: 284, Đ. Hùng Vương, P. Thượng Lĩ, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....

Điện thoại: 0936256221

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Trung Thành

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Địa chỉ: Thôn 3, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

MST: 0201158653

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1	Vỏ container 40 feet	cái	10	9.500.000	95.000.000

Cộng tiền hàng: 95.000.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

9.500.000

Tổng cộng tiền thanh toán:

104.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm lẻ bốn triệu năm trăm nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho sơn nước xanh

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp và
thương mại Phú Thành
Địa chỉ: Thôn 3, Tân Dương, Thủy
Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số:01-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Nợ: 152

Số: 145

Có: 331

- Họ tên người giao: Công ty TNHH Bắc Kỳ
- Theo HDGTGT số 0002363 ngày 09 tháng 12 năm 2016
- Nhập tại kho: Vật liệu xây dựng

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Vỏ container 40 feet		cái		10	9.500.000	95.000.000
	Cộng				10		95.000.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Chín mươi năm triệu đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.4: Giấy đề nghị mua vật tư

Công ty Cổ Phần Xây Lấp

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Và Thương Mại Phú Thành

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Bộ phận kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất – hoán cải đơn đặt hàng của công ty Thành Hưng
ngày 26/11/2016

Kính đề nghị Ban Giám Đốc duyệt cho nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
01	Sơn nước xanh	thùng	35

Hải Phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2016

Giám Đốc

Bộ phận kỹ thuật

Bộ phận sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT mua sơn bả

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao người mua
Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Ký hiệu: 01AA/16P
Số: 0000426

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Vũ Linh

Mã số thuế: 0206538594

Địa chỉ: 222 Lê Duẩn, Kiến An, Tp.Hải Phòng

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....

Điện thoại: 0989564315

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Trung Thành

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Địa chỉ: Thôn 3, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng, Việt Nam

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

MST: 0201158653

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1	Sơn nước xanh	thùng	35	450.000	15.750.000

Cộng tiền hàng: 15.750.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 1.540.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 17.325.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu ba trăm hai mươi năm nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Phiếu nhập kho sơn bả

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp và
thương mại Phú Thành
Địa chỉ: Thôn 3, Tân Dương, Thủy
Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số:01-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Nợ: 152

Số: 38/12

Có: 331

- Họ tên người giao: Công ty TNHH Vũ Linh
- Theo HĐGTGT số 0000426 ngày 08 tháng 12 năm 2016
- Nhập tại kho: Vật liệu

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Sơn nước xanh		thùng		35	450.000	15.750.000
	Cộng				35		15.750.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng
- Số chứng từ gốc kèm theo: 03

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

➤ **Thủ tục xuất kho**

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất –hoán cải container, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ. Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho mở cho từng loại nguyên vật liệu. Kế toán kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để điền vào phiếu. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ.

- *Tính giá nguyên vật liệu xuất kho sử dụng phương pháp bình quân liên hoàn*

Ví dụ 3: Ngày 08/12/2016, theo yêu cầu xuất 6 vỏ container 40 feet đã được xét duyệt để phục vụ sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất vỏ container 40 feet và viết phiếu xuất kho số 29/12 (biểu 2.8)

Kế toán tính giá NVL nhập kho theo phương pháp bình quân liên hoàn

- Ngày 1/12 tồn 8 vỏ container 40 feet, đơn giá 9.000.000

- Ngày 6/12 nhập 10 vỏ container 40 feet, đơn giá 9.500.000

- Ngày 8/12 xuất 6 vỏ container 40 feet

Giá xuất kho của vỏ container 40 feet được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất} & & & 8 \times 9.000.000 + 10 \times 9.500.000 \\ \text{kho bình} & = & \frac{\hspace{15em}}{\hspace{15em}} \\ \text{quân ngày} & & & 8 + 10 \\ 8/12 & & & \\ & = & & 9.277.777 \text{ (đ/cái)} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Trị giá vật liệu} & & & \text{Số lượng thực} & & \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{xuất dùng ngày} & = & & \text{tế xuất kho} & \times & \text{xuất kho} \\ 8/12 & & & & & \\ & = & & 6 \times 9.277.777 & & \\ & = & & 55.666.662 \text{ (đồng)} & & \end{aligned}$$

Biểu số 2.7: Giấy đề nghị xuất vật tư

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Địa chỉ: Thôn 3, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ

Kính gửi: Bộ phận kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất đơn đặt hàng của công ty Thành Hưng ngày 01/12/2016

Kính đề nghị Ban Giám Đốc xuất cho nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
01	Vỏ container 40 feet	cái	6

Hải Phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2016

Giám Đốc

Bộ phận kỹ thuật

Bộ phận sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8: Phiếu xuất kho vỏ container 40 feet

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp và
thương mại Phú Thành
Địa chỉ: thôn 3, Tân Dương, Thủy
Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Số: 29/12

Số: 621

Số: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Vũ Đức Hải
- Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất
- Lý do xuất kho: Xuất cho sản xuất
- Xuất tại kho (ngăn lô): NVL

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Vỏ container 40 feet	V40	cái		6	9.277.777	55.666.662
	Cộng				6		55.666.662

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(ký, họ tên) *(ký, họ tên)* *(ký, họ tên)* *(ký, họ tên)* *(ký, họ tên)*

Ví dụ 4: Ngày 15/12/2016, theo yêu cầu xuất 40 thùng sơn nước xanh đã được xét duyệt để phục vụ sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất sơn nước xanh và viết phiếu xuất kho số 71/12 (biểu số 2.10)

Theo phương pháp bình quân liên hoàn đơn giá sơn nước xanh xuất kho được tính như sau:

- Ngày 1/12 tồn 60 thùng, đơn giá 440.000 đồng/thùng
- Ngày 8/12 nhập 35 thùng, đơn giá 450.000 đồng/thùng
- Ngày 15/12 xuất 40 thùng

Giá xuất kho của sơn nước xanh được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho bình} & & 60 \times 440.000 + 35 \times 450.000 \\ \text{quân ngày 15/12} & = & \frac{\quad}{60 + 35} \\ & & = 443.684 \text{ (đồng/thùng)} \end{aligned}$$

Vậy trị giá xuất kho của sơn nước xanh ngày 15/12/2016:

$$= 40 \times 443.684 = 17.747.360 \text{ (đồng)}$$

Biểu 2.9: Giấy đề nghị xuất vật tư

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Địa chỉ: Thôn 3, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ

Kính gửi: Bộ phận kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất đơn đặt hàng của công ty Thành Hưng ngày 01/12/2016

Kính đề nghị Ban Giám Đốc xuất cho nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
01	Sơn nước xanh	thùng	40

Hải Phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2016

Giám Đốc

Bộ phận kỹ thuật

Bộ phận sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10: Phiếu xuất kho sơn bả

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp và
thương mại Phú Thành
Địa chỉ: thôn 3, Tân Dương, Thủy
Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Số: 71/12

Số: 621

Số: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Vũ Đức Hải
- Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất
- Lý do xuất kho: Xuất cho sản xuất
- Xuất tại kho (ngăn lô): NVL

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Sơn nước xanh	SNX	thùng		40	443.684	17.747.360
	Cộng				40		17.747.360

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

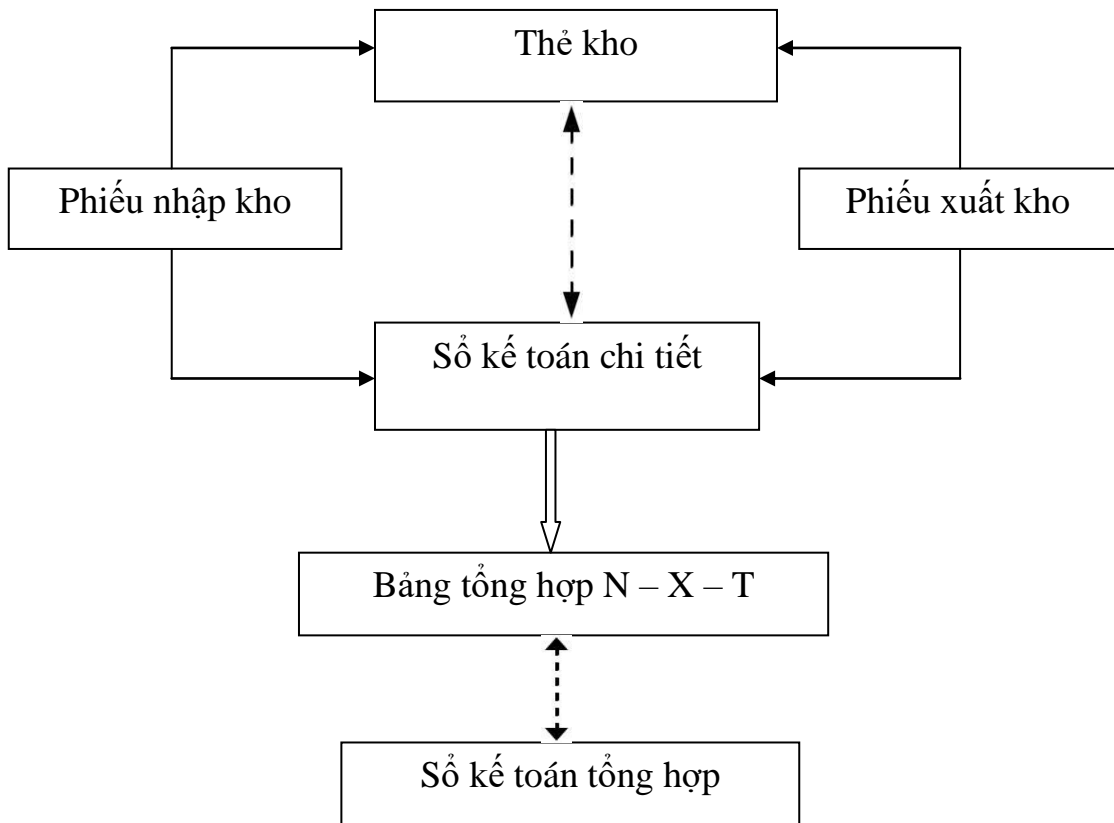
Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

2.2.1.3: Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Hoạch toán chi tiết nguyên vật liệu là nội dung quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Do tính phức tạp của nguyên vật liệu trong quá trình sử dụng và quản lý nên công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành đã lựa chọn phương pháp ghi thẻ song song để hoạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ kế toán chi tiết tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

* Mô tả quy trình

- **Tại kho:** Thủ kho dựa vào phiếu nhập, xuất và các chứng từ khác để mở thẻ kho và ghi theo số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được theo dõi ở một thẻ kho riêng để tiện trong việc ghi chép, kiểm tra. Khi nhận các chứng từ nhập xuất vật liệu thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ từ 3 – 5 ngày thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán vật tư mở sổ kế toán chi tiết vật tư cho từng vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Sổ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, nhân viên kế toán vật tư phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào sổ kế toán chi tiết và tính ra số tiền. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vào các sổ kế toán chi tiết vật tư có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng sổ và đối chiếu với thẻ kho. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu về mặt giá trị của từng loại vật tư. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của kế toán tổng hợp.

Ví dụ (tiếp ví dụ 1): Ngày 06/12/2016, công ty nhập 10 vỏ container 40 feet của công ty TNHH Bắc Kỳ. Đơn giá chưa thuế GTGT của vỏ container là 9.500.000 đồng/cái. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Khi nguyên vật liệu nhập kho, từ phiếu nhập kho (biểu số 2.3), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (biểu số 2.12). Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ chi tiết vật liệu lập bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.15)

Ví dụ (tiếp ví dụ 3): Ngày 08/12/2016, theo yêu cầu xuất 6 vỏ container 40 feet đã được xét duyệt để phục vụ sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất vỏ container 40 feet và viết phiếu xuất kho số 29/12 (biểu 2.8)

Khi nguyên vật liệu xuất kho, từ phiếu xuất kho (biểu số 2.8), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu số 2.12). Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ chi tiết nguyên vật liệu lập bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.15)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: Trích thẻ kho sơn nước xanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH

Thôn 3, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2016

Tên, nhãn, quy cách, vật tư: Vỏ container 40 feet

Mã: V40

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Xác nhận KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				8	
2	06/12	PN 21/12		Nhập kho vỏ container	06/12	10		18	
3	08/12		PX 29/12	Xuất kho vỏ container	08/12		6	12	
...	
11	18/12	PN 75/12		Nhập kho vỏ container	18/12	5		20	
....	
28	25/12		PX 98/12	Xuất kho vỏ container	25/12		5	23	
....	
32	28/12		PX 138/12	Xuất kho vỏ container	28/12		5	14	
...	
				Cộng số phát sinh		32	30		
				Số dư cuối tháng				10	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12: Sổ chi tiết vật liệu dụng cụ sản phẩm hàng hóa

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Mẫu số: 07 - DNN

Địa chỉ: thôn 3, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2016

Tài khoản: 152 Tên kho: NVL – Nguyên vật liệu

Vật tư: Vỏ container 40 feet Mã: V40

Đơn giá bình quân = 9.400.000 (đồng/cái)

Đơn vị: cái

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		Số dư đầu tháng 12		9.000.000					8	72.000.000	
PN21/12	06/12	Nhập kho vỏ container	331	9.500.000	10	95.000.000			18	167.000.000	
PX29/12	08/12	Xuất kho vỏ container	621	9.277.777			6	55.666.662	12	111.333.338	
...	
PN75/12	18/12	Nhập kho vỏ container	331	9.500.000	5	47.500.000			20	156.654.540	
.....	
PX138/12	28/12	Xuất kho vỏ container	621	9.352.282			5	46.761.410	14	76.384.214	
...	
		Cộng số phát sinh			32	304.000.000	30	282.000.000			
		Số dư cuối tháng 12							10	94.000.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ví dụ (tiếp ví dụ 2): Ngày 08/12/2016, công ty mua 35 thùng sơn nước xanh của công ty TNHH Vũ Linh, đơn giá chưa thuế GTGT là 450.000/thùng. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán

Khi nguyên vật liệu nhập kho, từ phiếu nhập kho (biểu số 2.6), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.13), kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (biểu số 2.14). Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ chi tiết vật liệu lập bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.15)

Ví dụ (tiếp ví dụ 4): Ngày 15/12/2016, công ty xuất 40 thùng sơn nước xanh phục vụ sản xuất. Kế toán làm thủ tục xuất sơn nước xanh và viết phiếu xuất kho 71/12 (biểu số 2.10)

Khi nguyên vật liệu xuất kho, từ phiếu xuất kho (biểu số 2.10), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.13), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu số 2.14). Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ chi tiết nguyên vật liệu lập bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.15)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13: Trích thẻ kho sơn bả

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH

Thôn 3, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2016

Tên, nhãn, quy cách, vật tư: Sơn nước xanh

Mã: SNX

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Xác nhận KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				60	
1	08/12	PN38/12		Nhập kho sơn nước xanh	08/12	35		95	
2	15/12		PX71/12	Xuất kho sơn nước xanh	15/12		40	55	
...	
8	19/12		PX92/12	Xuất kho sơn nước xanh	19/12		20	68	
....	
11	23/12	PN58/12		Nhập kho sơn nước xanh	23/12	40		54	
...	
15	26/12	PX102/12		Xuất kho sơn nước xanh			36	56	
...	
				Cộng số phát sinh		300	318		
				Số dư cuối tháng				42	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.14: Sổ chi tiết vật liệu dụng cụ sản phẩm hàng hóa

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Mẫu số: 07 - DNN

Địa chỉ: thôn 3, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2016

Tài khoản: 152 Tên kho: NVL – Nguyên vật liệu

Vật tư: Sơn nước xanh Mã: SNX

Đơn giá bình quân = 448.333 (đồng/thùng)

Đơn vị: Thùng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
					SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		Số dư đầu tháng 12		440.000					60	26.400.000	
PN38/12	08/12	Nhập kho sơn nước xanh	331	450.000	35	15.750.000			95	42.150.000	
PX71/12	15/12	Xuất kho sơn nước xanh	621	443.684			40	17.747.360	55	24.402.640	
...	
PX89/12	19/12	Xuất kho sơn nước xanh	621	442.520			20	8.850.400	68	42.652.505	
...	
PN57/12	23/12	Nhập kho sơn nước xanh	331	450.000	40	18.000.000			54	50.005.105	
...	
		Cộng số phát sinh			300	135.000.000	318	142.570.000			
		Số dư cuối tháng 12							42	18.830.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15; Trích bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tháng 12/2016

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản 152 - Nguyên vật liệu

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
I	Nhóm vật liệu chính									
1	Vỏ container 20 feet	cái	9	85.500.000	17	152.000.000	15	141.000.000	11	103.400.000
...
5	Vỏ container 40 feet	cái	8	72.000.000	32	304.000.000	30	282.000.000	10	94.000.000
...
II	Nhóm vật liệu phụ									
1	Sơn nước xanh	thùng	60	26.400.000	300	135.000.000	318	142.570.000	42	18.830.000
2	Sơn bả	thùng	40	13.800.000	285	99.750.000	290	101.321.650	35	12.228.475
...
	Cộng			1.486.053.000		1.128.480.000		926.654.500		1.687.878.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép, phản ánh một cách tổng quát tình hình biến động của nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán và các báo cáo tài chính theo chỉ tiêu giá trị. Hiện nay, công ty CP xây lắp và thương mại Phú Thành sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho nói chung và vật liệu nói riêng.

2.2.2.1: Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu nhập kho (mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02-VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu 01GTKT3/001)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, giấy báo Có....

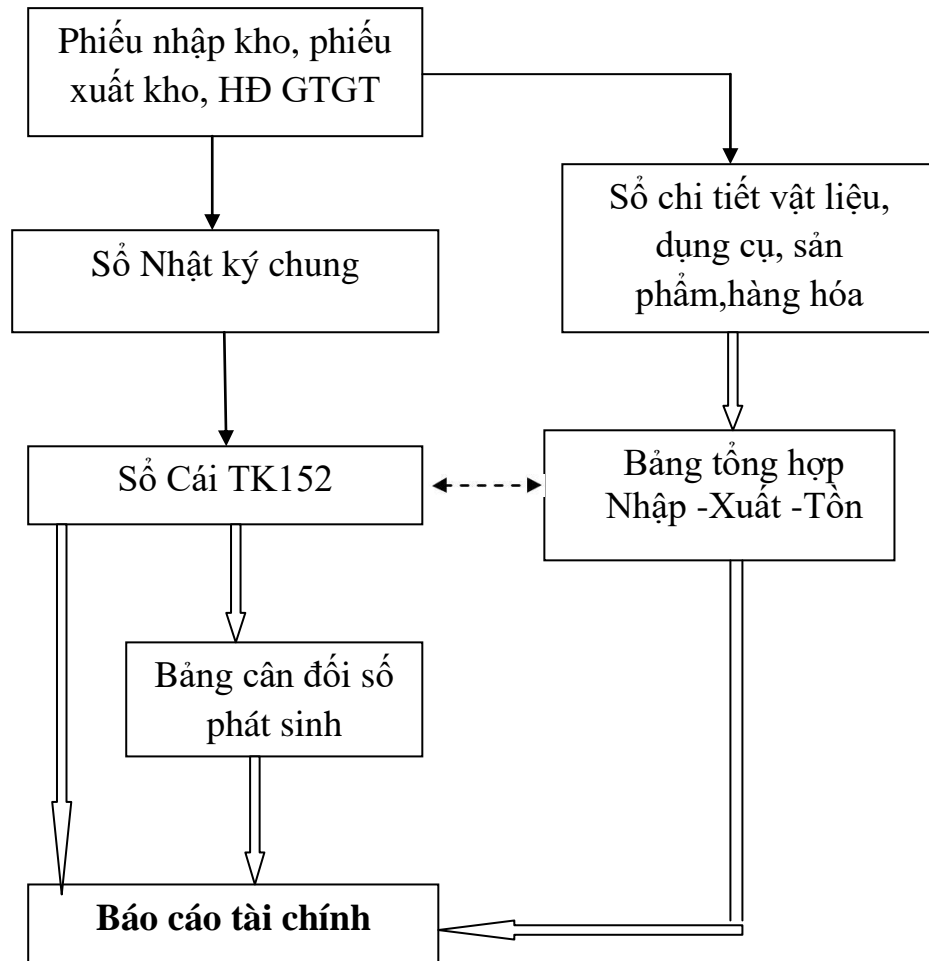
2.2.2.2: Tài khoản kế toán sử dụng

- TK152: Nguyên liệu, vật liệu
- TK liên quan: TK 111, TK331, TK 133, TK 621

2.2.2.3: Quy trình hoạch toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 2.6: Quy trình hoạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

2.2.2.4: Ví dụ minh họa

Ví dụ (tiếp ví dụ 1): Ngày 06/12/2016, công ty nhập 10 vỏ container 40 feet của công ty TNHH Bắc Kỳ. Đơn giá chưa thuế GTGT của sơn nước xanh là 9.500.000 đồng/cái. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Căn cứ vào HĐ GTGT nhập vỏ container 40 feet (biểu số 2.2) và phiếu nhập kho vỏ container (biểu số 2.3) kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.18) theo định khoản sau:

Nợ TK 152: 95.000.000

Nợ TK 133: 9.500.000

Có TK 331: 104.500.000

Từ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.18) kế toán vào sổ cái TK 152 (biểu số 2.19) và sổ cái các tài khoản 133, 331. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ (tiếp ví dụ 2): Ngày 08/12/2016, công ty mua 35 thùng sơn nước xanh của công ty TNHH Vũ Linh, đơn giá chưa thuế GTGT là 450.000/thùng. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán

Căn cứ vào HĐ GTGT nhập sơn nước xanh (biểu số 2.5) và phiếu nhập kho vỏ container (biểu số 2.6) kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.16) theo định khoản sau:

Nợ TK 152: 15.750.000

Nợ TK 133: 1.575.000

Có TK 331: 17.325.000

Từ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.18) kế toán vào sổ cái TK 152 (biểu số 2.19) và sổ cái các tài khoản 133, 331. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ (tiếp ví dụ 3): Ngày 08/12/2016, theo yêu cầu xuất 6 vỏ container 40 feet đã được xét duyệt để phục vụ sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất vỏ container 40 feet và viết phiếu xuất kho số 29/12 (biểu 2.8)

Căn cứ vào phiếu xuất kho vỏ container 40 feet (biểu 2.8) và các phiếu xuất kho liên quan đến xuất vỏ container 40 feet tháng 12 năm 2016. Từ sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản 152 (biểu số 2.17) và sổ cái tài khoản 621.

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: (tiếp ví dụ 4): Ngày 15/12/2016, công ty xuất 40 thùng sơn nước xanh phục vụ sản xuất. Kế toán làm thủ tục xuất sơn nước xanh và viết phiếu xuất kho 71/12 (biểu số 2.10)

Căn cứ vào phiếu xuất kho sơn nước xanh 71/12 (biểu số 2.10) và các phiếu xuất kho liên quan đến xuất sơn nước xanh tháng 12 năm 2016. Từ sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản 152 (biểu số 2.17) và sổ cái tài khoản 621. Cuối kỳ, từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo Cáo Tài Chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: công ty CPXL-TM Phú Thành
 Địa chỉ: thôn 3, Tân Dương, Thủy
 Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PT01/12	02/12	Thu tiền bán phế liệu	111	16.000.000	
			131		16.000.000
...
PN21/12	06/12	Nhập kho 10 vỏ container 40 feet, doanh nghiệp chưa thanh toán	152	95.000.000	
HĐGTGT số 0000372			133	9.500.000	
			331		104.500.000
...
PN38/12	08/12	Nhập kho sơn nước xanh, doanh nghiệp chưa thanh toán	152	15.750.000	
HĐGTGT số 0000426			133	1.575.000	
			331		17.325.000
...
PX18/12	08/12	Xuất vỏ container 40 feet phục vụ sản xuất	621	56.400.000	
			152		56.400.000
...
GBC75/12	27/12	Thu tiền hàng Huy Tuấn	112	118.500.000	
			131		118.500.000
...
Cộng số phát sinh				27.032.265.320	27.032.265.320

Ngày 31/12/2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Trích Sổ Cái TK 152

Đơn vị: công ty CPXL-TM Phú
Thành
Địa chỉ: thôn 3, Tân Dương, Thủy

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Năm: 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Dư đầu tháng 12</u>		<u>1.486.053.000</u>	
....
PN21/12	06/12	Công ty nhập kho 10 vỏ container 40 feet. Công ty chưa thanh toán	331	95.000.000	
....
PN38/12	08/12	Công ty nhập kho 35 thùng sơn nước xanh. Công ty chưa thanh toán	331	15.750.000	
....
PN52/12	10/12	Công ty nhập 44 thùng sơn bả. Công ty thanh toán bằng chuyển khoản	112	15.400.000	
....
PX18/12	31/12	Xuất 6 vỏ container 40 feet phục vụ sản xuất	621		56.400.000
....
PX26/12	31/12	Xuất 40 thùng sơn nước xanh phục vụ sản xuất	621		17.933.320
....
		Cộng phát sinh		1.128.480.000	926.654.500
		<u>Số dư nợ cuối kỳ</u>			<u>1.687.878.500</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH

3.1: Nhận xét chung về kế toán nguyên vật liệu

Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đến nay, công ty đã trải qua không ít khó khăn và thách thức để tìm chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt trong điều kiện kinh tế thị trường như hiện nay, muốn tồn tại đc thì phải cạnh tranh lẫn nhau. Tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã luôn đoàn kết, chủ động sáng tạo, khắc phục những khó khăn, cải tiến kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đưa công ty không ngừng trưởng thành và lớn mạnh.

Tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy việc tổ chức công tác kế toán nói chung, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tài chính đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1: Ưu điểm

** Về tổ chức bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung: Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra và gửi về phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tổng hợp ghi vào sổ kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành, nó đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Các cán bộ kế toán được phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng nên sự chuyên

môn hóa rất cao, đảm bảo các phần hành tiến hành nhanh nhẹn, độ chính xác cao và đảm bảo khả năng cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, kịp thời.

** Về công tác quản lý nguyên vật liệu*

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là sự tồn tại của công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu.

+ Đối với công tác thu mua: Công ty có bộ phận kiểm định chất lượng, am hiểu về chất lượng và thị trường nên việc thu mua nguyên vật liệu tương đối ổn định. Đồng thời, công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về mặt số lượng cũng như quy cách chất lượng của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hạn, kịp thời để công ty kịp tiến độ thi công các công trình.

+ Đối với công tác dự trữ và bảo quản: Hệ thống kho được tổ chức một cách hợp lý, phù hợp với tính chất lý, hóa học của từng loại vật liệu. Với đội ngũ cán bộ quản lý kho có tính thần trách nhiệm cũng như trình độ chuyên môn cao nên việc thực hiện quản lý nguyên vật liệu ở công ty được thực hiện khá nề nếp, đảm bảo vật tư được quản lý chặt chẽ, tránh được tình trạng thất thoát vật tư, gây thiệt hại cho công ty.

+ Đối với công tác sử dụng: Mọi nhu cầu sử dụng vật liệu đều đưa qua phòng kế hoạch xem xét tính hợp lệ của các nhu cầu đó nhằm tiết kiệm và quản lý tốt vật liệu.

** Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán*

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của công ty. Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp giúp hệ thống hóa thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

** Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu*

Kế toán vật tư phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu, phù hợp với đặc trưng của ngành xây dựng và đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Mặt khác do công ty tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên nên phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu liên tục. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động vật tư tại công ty và đảm bảo cung cấp thông tin chính xác về nguyên vật liệu tại bất kỳ thời điểm nào. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty đã áp dụng phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu và cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp ngay cả khi có sự biến động của công ty diễn ra thường xuyên liên tục. Đây là phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

3.1.2: Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu của công ty đã và đang đạt được. Công ty vẫn còn gặp phải một số hạn chế cần khắc phục như sau:

** Về việc thành lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu*

Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để mọi người nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính và đâu là nguyên vật liệu phụ, phụ từng thay thế.... Do vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Các nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán.

** Về việc ứng dụng phần mềm kế toán*

Khối lượng công việc kế toán tại công ty khá lớn nhưng công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng kế toán đã được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Office (Word, Excel...) nên việc tính toán tương đối nhiều, dễ dẫn đến sai sót. Vậy nên, công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty.

** Về việc luân chuyển chứng từ*

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung

** Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Công ty chưa tiến hành trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi có những biến động về giá cả nguyên vật liệu thì công ty không có nguồn tài chính để bù đắp những tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Điều này có thể dẫn đến tình trạng không bảo tồn vốn kinh doanh của công ty, gây bất ổn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành

Trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay thì việc không ngừng hoàn thiện, khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những điểm mạnh là mục đích hàng đầu của công ty. Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đạt được những mục đích sau:

- + Khắc phục được những hạn chế trong công tác kế toán nguyên vật liệu.
- + Đáp ứng được những nhu cầu trong sản xuất, quản lý chung của công ty.
- + Nâng cao tốc độ phát triển của công ty phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp với đặc điểm chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí cũng như giá thành sản phẩm. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra các biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là vô cùng cần thiết. Và việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh

nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin kế toán đưa ra phải chính xác kịp thời phù hợp với yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

3.2.1. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật tư”

Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi từng nhóm, từng loại, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm vật tư giúp cho việc quản lý từng loại vật tư sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn. Khi có sổ danh điểm việc ghi chép của kế toán sẽ thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý

nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên và sử dụng các tiêu khoản như sau trong qua trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: “Nguyên vật liệu chính”
- TK 1522: “Nguyên vật liệu phụ”
- TK 1523: “Nhiên liệu”
- TK 1524: “Phụ tùng thay thế”
- TK 1525: “Phế liệu thu hồi”

Việc mở thêm các tiêu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiêu khoản giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay có thể so sánh chi tiết từng loại nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm giữa các kỳ.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- + Dựa vào nhóm vật liệu;
- + Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm;
- + Dựa vào số thứ vật liệu có trong mỗi nhóm, loại;
- + Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Trong mỗi nhóm nguyên vật liệu sẽ sử dụng chữ cái để chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu giúp cho việc theo dõi dễ dàng hơn. Trên cơ sở đó, việc quản lý nguyên vật liệu sẽ được tiến hành một cách khoa học và chặt chẽ.

Ví dụ:

TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính

TK 1521-A: Vỏ container

TK 1521-A1: Vỏ container 40 feet

TK 1521-A2: Vỏ container 20 feet

.....

TK 1522: Nhóm nguyên vật liệu phụ

TK 1522-A: Sơn nước xanh

TK 1522-B: Sơn bả

.....

TK 1523: Nhóm nhiên liệu

TK 1523-A: Dầu

TK 1523-B: Xăng

.....

TK 1524: Nhóm phụ tùng thay thế

TK 1525: Nhóm phế liệu thu hồi

Theo em, để tiện theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập sổ danh điểm vật tư như sau :

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư

Ký hiệu		Danh điểm vật tư	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-A		Vỏ container	cái	
		1521-A1	Vỏ container 40 feet	cái	
		1521-A2	Vỏ container 20 feet	cái	
....
	1521-B		Thép	kg	
		1521-C1	Thép Φ6	kg	
		1521-C2	Thép Φ10	kg	
....
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522-A		Sơn nước xanh	thùng	
	1522-B		Sơn bả	thùng	
....	
1523			Nhiên liệu		
...
1524			Phụ tùng thay thế		
...
1525			Phế liệu thu hồi		

3.2.2: Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.

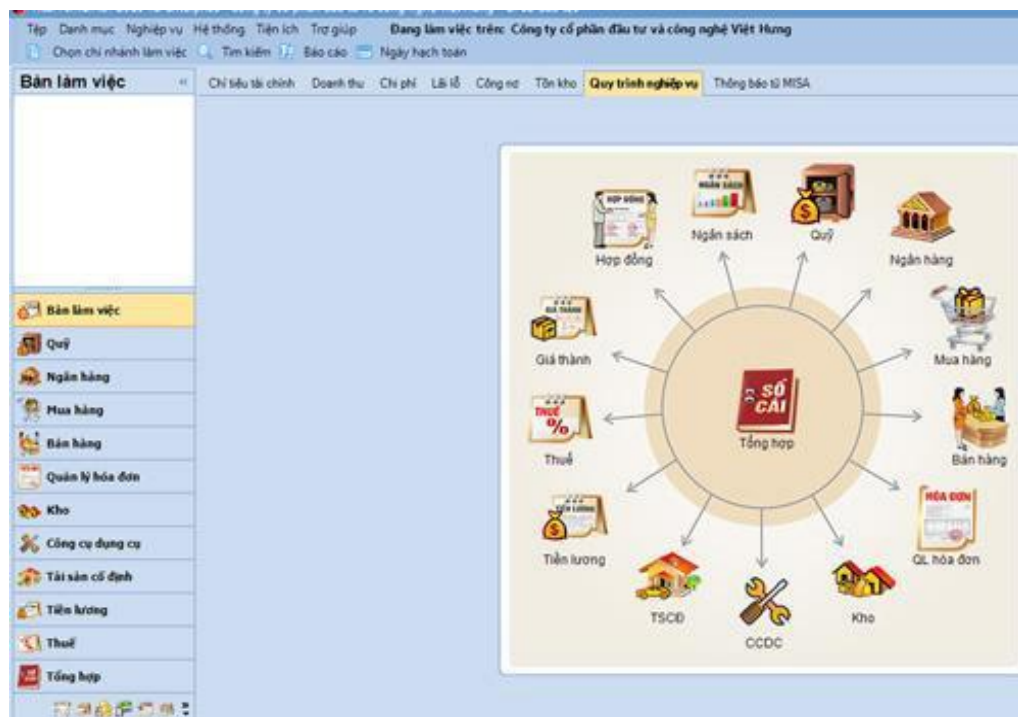
Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hóa công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kê toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa, việc áp

dụng phần mềm kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay:

* Phần mềm kế toán MISA



Giá: 8.950.000 VND

Phần mềm kế toán MISA 2017 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục đích giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA 2017 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý, và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

- *Ưu điểm*

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở Misa mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox bị đánh cắp bản quyền rất dễ).
- Cập nhật các chính sách mới ban hành của nhà nước
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu nhanh gấp 3 lần so với các phiên bản trước
- *Nhược điểm*
 - Vì có SQL nên Misa đòi hỏi cấu hình máy tính tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
 - Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
 - Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

Các phần mềm BRAVO, COMAC,...

- *Ưu điểm*
 - Các phần mềm này giống nhau về quy trình xử lý số liệu, CSDL (Visual fox), chỉ khác nhau về giao diện.
 - Giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành.
 - Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tuyệt vời so với Misa
- *Nhược điểm*
 - Mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán chưa cập nhật sát chế độ kế toán (Sổ cái các hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ chưa đúng).
 - Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi (giống như phần mềm Fast Accounting).

Theo em , công ty nên cân nhắc sử dụng phần mềm kế toán Misa. Bởi vì, Misa không chỉ là phần mềm kế toán phổ biến nhất hiện nay mà nó còn có khá nhiều phiên bản. Đối với doanh nghiệp thì MISA 2017 là sản phẩm khá phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất Microsoft,

tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý tài chính, kế toán cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3.2.3: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm.....

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Người giao	Người nhận

3.2.4: Hoàn thiện công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại công ty

Định kỳ cuối năm, tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu sổ sách. Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là để xác định số lượng, chất lượng, trị giá nguyên vật liệu còn tồn kho, từ đó phát hiện số chênh lệch giữa sổ sách với thực tế để có biện pháp bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu cũng như tài sản của doanh nghiệp. Trước đó mỗi lần tiến hành kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để thuận tiện cho công tác kiểm kê, đồng thời các sổ sách

nguyên vật liệu tại phòng kế toán cũng phải khóa sổ để thuận tiện cho công tác đối chiếu.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm... xác định số nguyên vật liệu còn trong kho so với sổ sách, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào kết quả kiểm kê, Giám đốc công ty cùng với ban lãnh đạo và Hội đồng kiểm kê sẽ đưa ra những quyết định hợp lý trong công tác nguyên vật liệu tại công ty. Biên bản kiểm kê là cơ sở để kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo. Nhìn chung công tác kiểm kê kho ở công ty trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát mà chỉ có vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan nhưng số lượng không đáng kể.

- Trường hợp kiểm kê phát hiện vật liệu thiếu

+ Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán.

+ Nếu giá trị nguyên vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (Hao hụt vật liệu trong định mức) ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 152: Nguyên vật liệu

+ Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138: Phải thu khác (1381: Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152: Nguyên vật liệu

Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định ghi:

Nợ TK 111, 138, 334, 632

Có TK 1381

- Trường hợp kiểm kê phát hiện nguyên vật liệu thừa

+ Nếu xác định là của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên vật liệu

Có TK 711: Thu nhập khác

+ Nếu xác định phải là vật liệu thừa, trả người khác kế toán ghi đơn vào bên Nợ TK 002. Nếu quyết định mua số vật liệu đó, doanh nghiệp thông báo cho bên bán và ghi:

Nợ TK 152: Nguyên vật liệu

Có TK 338: Phải trả, phải nộp khác

Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2016. Hội đồng kiểm kê nguyên vật liệu lập biên bản kiểm kê nguyên vật tư (biểu số 2.18)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20: Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu tại kho của công ty

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

(Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Thời điểm kiểm kê: 9h ngày 31 tháng 12 năm 2016

Biên bản kiểm kê gồm:

Ông Nguyễn Trung Long

Chức vụ: Phó giám đốc

Trưởng ban kiểm kê

Ông: Phạm Thành Trung

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Ủy viên

Bà: Trần Thị Hà

Chức vụ: Kế toán

Ủy viên

Bà: Vũ Mai Anh

Chức vụ: Thủ kho

Ủy viên

ST T	Tên vật tư	Mã hàng	ĐVT	Theo kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Còn tốt 100%
				SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		
								SL	TT	SL	TT	
1	Vỏ container 40 feet	V40	Cái	10	94.000.000	10	94.000.000					x
....
5	Gỗ ốp	GO	Tâm	40	14.000.000	40	14.000.000					x
....
11	Thanh sắt	TS	thanh	95	38.000.000	95	38.000.000					x
....
19	Sơn bả	SB	thùng	56	19.600.000	56	19.600.000					x
....
25	Sơn nước xanh	SNX	thùng	42	18.830.000	42	18.830.000					x
....
	Tổng cộng				1.687.878.500		1.687.878.500					

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Kết luận: Đa số các nguyên vật liệu còn tốt, khớp với số lượng, nội dung với sổ sách của kế toán

KẾT LUẬN

Đề kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh và giám sát một cách chặt chẽ, toàn diện tài sản và nguồn vốn của công ty ở mọi khâu trong quá trình sản xuất nhằm cung cấp các thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, thì việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty là một tất yếu. Nhất là trong việc chuyển đổi môi trường kinh tế, việc tổ chức kế toán vật liệu đòi hỏi còn phải nhanh chóng kiện toàn để cung cấp kịp thời đồng bộ những vật liệu cần thiết cho sản xuất, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các định mức dự trữ ngăn ngừa hiện tượng hư hụt, mất mát lãng phí vật liệu.

Về mặt lý luận, em đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống các vấn đề cơ bản về hạch toán nguyên vật liệu. Qua thời gian thực tập tại công ty em thấy công ty đã áp dụng một cách tốt nhất chế độ kế toán mới và luôn muốn hoàn thiện bộ máy kế toán của mình. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề và em tin rằng với khả năng và những cố gắng của công ty trong thời gian tới thì những vấn đề tồn tại sẽ được giải quyết, công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu sẽ hoàn thiện hơn, phục vụ đắc lực cho quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Do thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế không dài, trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế nên bài khóa luận này không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến, giúp đỡ của thầy cô giáo khoa Kế toán kiểm toán trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn cô giáo Trần Thị Thanh Thảo và các cán bộ kế toán Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành đã giúp đỡ em nhiệt tình trong việc hoàn thiện bài khóa luận này. Xin chúc công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành thành công rực rỡ trên con đường phát triển của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Sinh viên

Vũ Thị Chanh